

TRỢ GIÚP TRẺ KHUYẾT TẬT HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ CÔNG TÁC XÃ HỘI

PHẠM VĂN HẢO*

Ngày nhận bài: 12/08/2016; ngày sửa chữa: 12/08/2016; ngày duyệt đăng: 16/08/2016.

Abstract: Supporting children with disabilities is an important aspect in Social Work. During the daily life, children with disabilities always struggle with the specific difficulties that prevent them from participating in the social activities. The task of social work is to support children with disabilities to be inclusive best in the community and perform the social functions as normally as possible. There are several approaches to support for them. Community-based social work approach currently matches our country's conditions.

Keywords: Children with disabilities, social work, social work with children with disabilities, inclusion, based on community.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đất nước ta đang đứng trước những thời cơ và vận hội mới; đời sống của người dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, mặt trái của sự phát triển xã hội cũng tạo ra nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh cần phải giải quyết triệt để. Một trong các vấn đề xã hội mà mỗi quốc gia đều phải quan tâm giải quyết đó là trẻ khuyết tật (TKT). Theo *Báo cáo Tình hình trẻ em thế giới 2013: Trẻ em Khuyết tật* của UNICEF, hiện nay trên thế giới có khoảng 93 triệu trẻ em dưới 14 tuổi bị khuyết tật, riêng Việt Nam là 1,2 triệu. Trong đó nhiều em chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hậu quả chiến tranh với các di chứng chất độc da cam, vật liệu nổ. Báo cáo này cũng cho thấy, trẻ có khuyết tật là đối tượng được chăm sóc y tế và đi học ít nhất. Vì vậy, đảm bảo quyền của TKT và trợ giúp để các em hòa nhập tốt với cộng đồng là việc làm rất cần thiết. Với tư cách là một nghề chuyên nghiệp, *công tác xã hội* (CTXH) hướng đến cung cấp dịch vụ trợ giúp cho các cá nhân, nhóm và cộng đồng yếu thế, trong đó có trợ giúp trẻ em khuyết tật hòa nhập cộng đồng. Nghiên cứu nhằm tìm ra cách tiếp cận giải quyết vấn đề xã hội của TKT dưới góc độ nghề CTXH có ý nghĩa cả về lí luận và thực tiễn.

1. TKT và những rào cản trong quá trình hòa nhập của TKT

1.1. Trẻ khuyết tật. TKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn. Trẻ thuộc nhóm người yếu thế trong xã hội, cần được quan tâm trợ giúp. Các em nằm trong nhóm trẻ em dễ bị tổn thương nhất bởi nạn bạo hành, xâm hại, bóc lột và bỏ rơi, đặc biệt khi các em bị giấu giếm hoặc gửi vào các trung tâm bảo trợ - đây là thực trạng phổ biến xuất

phát từ sự kì thị của xã hội hoặc do gia đình không có đủ khả năng tài chính để nuôi dưỡng trẻ. Hậu quả chung của tất cả những yếu tố này là TKT sẽ rơi vào nhóm đối tượng yếu thế và dễ bị gạt ra ngoài lề nhất trên thế giới. Mặc dù đã có sự quan tâm đáng kể của Đảng và Nhà nước, cũng như các thiết chế xã hội, nhưng TKT vẫn luôn phải gánh chịu những thiệt thòi và gặp khó khăn trong cuộc sống, nhất là cơ hội được tiếp cận một cách bình đẳng với các dịch vụ xã hội nhằm nâng cao năng lực và hội nhập với đời sống cộng đồng. Vì vậy, người khuyết tật nói chung và TKT nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của xã hội. Với sự quan tâm đặc biệt đó, ngày 22/10/2007, Việt Nam đã kí *Công ước về quyền của người khuyết tật* (CRPD) và Quốc hội đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn CRPD với 100% số phiếu tán thành. Là một ngành, nghề có chức năng trợ giúp và góp phần cải thiện, phòng ngừa các khiếm khuyết xã hội, thúc đẩy sự tiến bộ và công bằng xã hội, CTXH cũng xác định một trong các nhóm thân chủ cần can thiệp đó là TKT.

1.2. Những rào cản xã hội trong quá trình hòa nhập của TKT. TKT thuộc nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, luôn gặp thiệt thòi trong cuộc sống. Việc hòa nhập của TKT vào môi trường xã hội một cách bình đẳng với các trẻ khác thường gặp phải những rào cản nhất định, từ cả góc độ chủ quan và khách quan. Một số rào cản về mặt xã hội mang tính khách quan tác động đến quá trình hòa nhập của trẻ có thể kể đến như:

- Các dịch vụ tiện ích công cộng chưa đảm bảo để *dàng tiếp cận*. TKT dù ở dạng tật nào thì việc sử dụng các dịch vụ công cộng cũng luôn gặp khó khăn như: lên xuống bậc thang, xe buýt, sử dụng đồ chơi trong công viên, khu giải trí. Khi TKT không tiếp cận được

* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương

các dịch vụ công cộng có thể dẫn đến kim hãm sự nhận thức của trẻ về vấn đề xã hội. Bên cạnh đó, sự có mặt của TKT đôi khi là sự cản trở hoạt động sinh hoạt của những người khác, dẫn đến trẻ phải đón nhận thái độ tiêu cực của cộng đồng. Điều đó, làm hình thành tâm lí mặc cảm, tự ti, tiếp xúc ở người khuyết tật. Trong khi đó, ở các quốc gia phát triển, các dịch vụ công cộng luôn có sự quan tâm trong việc hỗ trợ người khuyết tật sử dụng các thiết bị một cách thuận lợi và độc lập.

- *Còn tồn tại sự phân biệt đối xử với người khuyết tật.* Không phải tất cả các cá nhân trong xã hội đều đã có cách nhìn nhận đúng mức theo hướng đồng cảm, chia sẻ với TKT. Trái lại, vẫn còn sự kì thị, thậm chí không mong muốn có sự tồn tại của TKT trong gia đình, cộng đồng; coi trẻ là hậu quả, là "tội lỗi" mà họ phải gánh chịu. Những tác động tâm lí từ thái độ tiêu cực của những người xung quanh đã tác động đến tâm lí và mức độ sẵn sàng tham gia của TKT; mài mòn ý chí và nghị lực vươn lên của trẻ.

- *Các cơ sở giáo dục và dạy nghề chưa đảm bảo các nguồn lực để sẵn sàng đáp ứng giáo dục có chất lượng cho TKT.* Nhiều trường học hiện nay chưa đủ điều kiện và trang thiết bị và cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu TKT học tập hòa nhập, đặc biệt là các vùng nông thôn, miền núi. Công tác giáo dục hòa nhập cho TKT mới chỉ tập trung nhiều ở cấp mầm non và tiểu học, còn bậc giáo dục từ cấp trung học cơ sở trở lên thì chưa được quan tâm nhiều, đặc biệt đối với trẻ chậm phát triển trí tuệ. Bên cạnh đó, việc học nghề của TKT cũng gặp không ít khó khăn do những công việc phù hợp với TKT chưa nhiều. Các doanh nghiệp, tổ chức chưa thật sự quan tâm đến việc sử dụng lao động khuyết tật. Nếu có, mức thu nhập của họ cũng là rất thấp so với những người lao động khác. Chính điều này đã khiến cho TKT không có hoặc ít có cơ hội có được sự công nhận trong phương diện đóng góp xã hội. Ngược lại, sự lao động chính đáng của trẻ cũng vẫn được coi là sự ban phát của người sử dụng lao động mà thôi.

- *Cơ hội tiếp cận và phục hồi chức năng của TKT ở các vùng nông thôn, miền núi còn hạn chế.* Dụng cụ phục hồi chức năng còn thô sơ, tính an toàn không cao hoặc không phù hợp với độ tuổi, dạng tật. Hậu quả là TKT do không tiến cận được dịch vụ y tế: không được chữa trị, can thiệp, phục hồi chức năng... Điều đó dẫn đến việc cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ không được bảo đảm và hạn chế sự phát triển tâm lí.

- *Chưa có giải pháp đảm bảo để mọi TKT được tiếp cận thông tin một cách đầy đủ.* Đối với TKT, đặc biệt là nhóm trẻ khiếm thính, khiếm thị việc tiếp cận

thông tin đa chiều còn gặp những rào cản nhất định, dẫn đến trẻ không được tiếp nhận những thông tin đầy đủ làm mất đi vốn hiểu biết, cơ hội phát triển, sự tự tin và tự chủ trong giao tiếp của trẻ.

- *Hệ thống chính sách xã hội tương đối đầy đủ nhưng tính khả thi chưa cao.* Có thể khẳng định, hệ thống chính sách, pháp luật của Việt Nam dành cho TKT là khá đầy đủ, bao gồm cả các văn bản luật và dưới luật; văn bản của Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, nguồn lực hiện thực hóa còn nhiều hạn chế và thiếu cơ chế vận hành dẫn đến TKT vẫn chưa được hưởng các mô hình trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội mang tính chuyên môn cao.

Chính những rào cản từ hệ thống xã hội nêu trên đang là yếu tố cần được quan tâm giải quyết. Ngành CTXH với vai trò, chức năng của mình cần nhận diện những rào cản này ở mỗi thân chủ để trợ giúp TKT vươn lên hòa nhập cộng đồng một cách thuận lợi nhất; góp phần vào việc xây dựng xã hội bình đẳng, công bằng, nhân văn.

2. Công tác xã hội với TKT

2.1. Khái niệm CTXH với TKT. CTXH là một khoa học, một nghề chuyên nghiệp có sử dụng các phương pháp đặc thù, dựa trên nền tảng về các lí thuyết và các nguyên tắc đạo đức của ngành nhằm trợ giúp các cá nhân, nhóm, cộng đồng nâng cao năng lực và tăng cường chức năng xã hội, tự lực vươn lên giải quyết các vấn đề gặp phải. CTXH hướng tới tiến bộ và công bằng xã hội.

Là một trong lĩnh vực hoạt động của CTXH, CTXH với TKT được hiểu là hoạt động chuyên nghiệp của nhân viên CTXH giúp đỡ những TKT tăng cường hay khôi phục việc thực hiện các chức năng xã hội của mình; huy động nguồn lực, xác định những dịch vụ cần thiết để hỗ trợ người khuyết tật, gia đình và cộng đồng triển khai hoạt động chăm sóc trợ giúp họ một cách hiệu quả, vượt qua những rào cản, đảm bảo sự tham gia đầy đủ vào các hoạt động xã hội trên nền tảng sự công bằng, bình đẳng xã hội. Cùng với quá trình phát triển của đất nước, CTXH ngày càng khẳng định được vai trò, tầm quan trọng của mình, góp phần vào việc giải quyết các vấn đề xã hội, đảm bảo quyền con người nói chung và quyền của người khuyết tật nói riêng.

2.2. Vai trò của CTXH với TKT. Sự trợ giúp của CTXH với TKT không hướng đến mục đích tìm kiếm nguyên nhân gây khuyết tật, cũng như các phương pháp, biện pháp giáo dục và trị liệu cụ thể. CTXH đến việc tác động vào hệ thống chăm sóc và giáo dục TKT nhằm tạo ra sự thay đổi theo hướng tích cực cho trẻ như: gia đình, nhà trường, tổ chức xã hội, cộng

đồng mà trẻ sinh sống, cũng như các chính sách của nhà nước dành cho người khuyết tật.

Trong trợ giúp TKT, nhân viên CTXH phải là người đánh giá nhu cầu về phương diện xã hội của trẻ; đồng thời đóng vai trò là người quản lý trường hợp, biện hộ quyền, hỗ trợ TKT tiếp cận những dịch vụ phù hợp và duy trì tiếp cận một loạt các dịch vụ phối hợp tốt nhất như: chăm sóc y tế, học nghề, hạ tầng cơ sở, hỗ trợ tâm lý, kết nối cộng đồng... Trong trường hợp cần thiết, nhân viên CTXH cũng thực hiện hoạt động trợ giúp tâm lý cho trẻ và gia đình. Như vậy, bằng những kiến thức, kĩ năng và phương pháp, nhân viên CTXH trợ giúp TKT phục hồi các chức năng xã hội bị suy giảm, qua đó quyết vấn đề của bản thân, phát huy được những khả năng của mình, vượt qua khó khăn, vươn lên tự lập trong cuộc sống dựa trên sự phối hợp của gia đình và cộng đồng. Với chức năng của mình, CTXH còn thúc đẩy môi trường xã hội, bao gồm: vận động chính sách, pháp luật, thái độ của cộng đồng để giúp TKT hòa nhập xã hội một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, nhân viên CTXH còn thực hiện các hoạt động như giáo dục phòng ngừa, can thiệp sớm cho TKT; tập huấn, cung cấp kiến thức cho gia đình, người thân cách chăm sóc người khuyết tật để giúp đối tượng trở nên chủ động, có khả năng tự chăm sóc, như vậy họ sẽ tự tin hơn trong cuộc sống và sẽ tránh được những vấn đề khác có thể phát sinh.

2.3. Trợ giúp TKT theo cách tiếp cận dựa vào cộng đồng. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cố gắng từ phía các cơ quan chức năng và cộng đồng xã hội, nhưng cơ hội hòa nhập cộng đồng của TKT chưa có nhiều chuyển biến. Điều này, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Để tăng cường việc bảo vệ và thực thi quyền của TKT trong hòa nhập cộng đồng, việc lựa chọn cách tiếp cận giải quyết vấn đề của CTXH với TKT phù hợp với điều kiện hiện nay ở Việt Nam là cần thiết. Cách thức được cho là hiệu quả mà nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới áp dụng đó chính là trợ giúp TKT dựa vào cộng đồng. Có thể khẳng định, người khuyết tật là thực tiễn xã hội luôn tồn tại trong mỗi xã hội. Do đó, cộng đồng cần có trách nhiệm để người khuyết tật được tham gia, được hỗ trợ để thực hiện đầy đủ quyền con người của mình. Điều này cũng nhấn mạnh đến việc trao quyền tự quyết và tinh thần trách nhiệm cho chính cộng đồng và TKT. Sự trao quyền tự quyết sẽ thúc đẩy sự tham gia của TKT một cách chủ động vào tiến trình giúp đỡ chính họ. Tinh thần trách nhiệm thuộc về các bên liên quan, nhằm tạo điều kiện tối đa cho TKT thực hiện các quyền của mình, bảo đảm chất lượng và số lượng các quyền được thực hiện.

Nói một cách khác, mô hình trợ giúp TKT dựa vào cộng đồng nhấn mạnh đến vai trò của hệ thống dịch vụ và phúc lợi xã hội. Mô hình này thể hiện tính bền vững và lấy nguồn lực của cộng đồng làm nền tảng cho các hoạt động CTXH. Đồng thời, đây cũng là hướng làm thay đổi hệ thống dịch vụ xã hội, từ chỗ thuần túy hoạt động trợ giúp tài chính sang hoạt động mang tính trao quyền như: đào tạo nghề, cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, tăng khả năng độc lập của thân chủ. Trong mô hình này, nhân viên CTXH vẫn giữ vai trò là người thúc đẩy sự tham gia của TKT và cộng đồng; là sợi dây kết nối các nguồn lực trợ giúp xã hội đến với trẻ. Gia đình và nhà trường vẫn được coi là các thiết chế xã hội thuộc hệ thống trợ giúp quan trọng với TKT. Bên cạnh đó, những trợ giúp từ phía cộng đồng còn bao gồm các dịch vụ cần thiết cho TKT như: trị liệu, can thiệp hành vi, tham vấn (cá nhân, gia đình và nhóm). Các hoạt động này được thực hiện bởi các nhân viên CTXH ở địa bàn, người quản lý trường hợp, chuyên gia tâm lý, trị liệu hành vi, các chương trình hợp tác và phát triển của từng cộng đồng.

CTXH trợ giúp TKT dựa vào cộng đồng còn hướng đến việc tạo cơ hội cho TKT sử dụng và đạt được những khả năng riêng của bản thân nhằm tăng sự độc lập trong cuộc sống. Các hoạt động rất đa dạng, từ việc định hướng học tập và nghề nghiệp, đến việc giải trí, vui chơi ở cộng đồng, tham gia các sự kiện văn hóa; từ việc được hưởng dịch vụ tại gia đình hoặc tại các cơ sở chung của cộng đồng. TKT phải được nâng cao khả năng tự xác lập các giá trị và đảm bảo các nhu cầu, giảm dần sự phụ thuộc vào người khác. Muốn vậy, nhân viên CTXH phải khuyến khích và trợ giúp trẻ phát triển khả năng tự lập của mình; giúp trẻ tự tin vào năng lực của bản thân.

Một yêu cầu khác đó là, cộng đồng trợ giúp TKT tham gia vào thị trường lao động bao gồm: các dịch vụ về giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, cũng như các dịch vụ trợ giúp người tuyển dụng lao động trong việc sử dụng nguồn nhân lực là khuyết tật và hỗ trợ xây dựng môi trường làm việc hòa đồng, không rào cản cho cả TKT và trẻ không khuyết tật. Tất nhiên, tùy thuộc độ tuổi của trẻ mà yêu cầu trợ giúp việc làm là cấp bách, trước mắt hay là lâu dài, mang tính định hướng.

Trong thời gian tới, để CTXH có thể thực hiện tốt hơn vai trò và sự trợ giúp của mình với TKT, cần hướng tới một số yêu cầu sau:

- Nghiên cứu tham mưu và đề xuất cải thiện chính sách, pháp luật dành cho người khuyết tật, đặc biệt là TKT khả thi hơn, gắn liền với xây dựng và triển khai các dịch vụ xã hội. Chuyển đổi các mô hình trợ giúp

hướng vào việc đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng sống, tổ chức các dịch vụ nâng cao khả năng sống độc lập của TKT. Các mô hình này cần phải dựa trên sự huy động sức mạnh tổng hợp từ cộng đồng. Các chính sách, pháp luật được xây dựng nên có sự tham khảo nhu cầu, quan điểm của đối tượng thụ hưởng và các tổ chức của người khuyết tật.

- Hoạt động trợ giúp TKT, nhân viên CTXH cần xác định rõ các thành tố của mô hình tiếp cận hòa nhập. Bên cạnh việc xác định TKT ở vị trí trung tâm của mô hình, thì việc thúc đẩy sự công nhận, tham gia của các chủ thể phối hợp thực hiện dịch vụ xã hội, trong đó có vai của chính người dân ở cộng đồng trẻ sinh sống.

- Công tác đào tạo, cần chú trọng nhiều hơn đến hoạt động thực hành tại cộng đồng theo hướng lồng ghép với các chương trình thực tế, cụ thể. Ngoài ra, cần quan tâm xây dựng hệ thống các chuẩn mực và quy điều đạo đức trong thực hành CTXH với TKT. Gắn hoạt động thực hành, thực tập với mô hình cung cấp dịch vụ trợ giúp TKT cho cộng đồng.

- Các Trung tâm CTXH ở các địa phương phải xác định rõ vị trí, nhiệm vụ của mình trong trợ giúp TKT tại cộng đồng. Tránh sự chồng chéo về nhiệm vụ với các trung tâm phục hồi chức năng và can thiệp với TKT trí tuệ. Cần nghiên cứu để xây dựng cơ chế, mô hình hợp tác công - tư trong trợ giúp TKT. Sử dụng có trọng tâm, hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực này; chú trọng đến huy động sự đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng. Cải thiện cách nhìn nhận của cộng đồng về trách nhiệm phối hợp giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có TKT.

CTXH với TKT là một trong những lĩnh vực luôn đòi hỏi sự tham gia của cả cộng đồng. Trước yêu cầu xây dựng một xã hội tiến bộ và phát triển; bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền của người khuyết tật thì việc phát huy vai trò của CTXH trong trợ giúp TKT là rất cần thiết. Có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong trợ giúp TKT, song can thiệp của CTXH dựa vào cộng đồng được đánh giá là phù hợp với điều kiện và thực tiễn hiện nay ở nước ta. Cách tiếp cận này cần tiếp tục quan tâm nghiên cứu và ứng dụng trong thời gian tới nhằm giúp TKT nói riêng và người khuyết tật nói chung hòa nhập tốt với xã hội và phát huy hết tiềm năng của bản thân; góp phần vào công cuộc đấu tranh vì công bằng và tiến bộ xã hội. □

Tài liệu tham khảo

[1] UNICEF (2013). *Tình hình trẻ em thế giới 2013: Trẻ em khuyết tật*.

[2] *Luật Người khuyết tật (2010)*. NXB Tư pháp.

[3] Đặng Lộc Thọ (2014). *Giáo trình công tác xã hội đại cương*. NXB Lao động.

[4] Hà Thị Thu (2015). *Cơ sở lý luận và thực tiễn ngành công tác xã hội với người khuyết tật*. Hội thảo Phát triển ngành Công tác xã hội, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam (18/7/2015)

[5] Trần Văn Kham (2011). *Mô hình công tác xã hội với trẻ khuyết tật ở Úc: Định hướng về hòa nhập xã hội*. Hội thảo về Đổi mới Công tác xã hội trong nền kinh tế thị trường, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tháng 9/2011.

[6] Phạm Văn Hảo (2007). *Công tác xã hội nhóm với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt* (Tài liệu chuyên khảo). Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Một số hoạt động trị liệu...

(Tiếp theo trang 25)

triển của trẻ; - Theo đúng sở thích của trẻ; - Phù hợp với ngữ cảnh, môi trường thực tế trẻ đang tiếp cận.

3.3.3. *Hình thức tổ chức hoạt động*. Trẻ cần được tham gia vào cả hai hình thức hoạt động là: *nhóm* và *cá nhân*. Trong hoạt động nhóm, trẻ được phát triển tốt khả năng tương tác xã hội, tinh thần tập thể, tính kỷ luật,... Khi được hoạt động với hình thức cá nhân, khả năng riêng biệt của từng trẻ được phát huy, tiềm năng cũng được bộc lộ. Do đó, không thể thiếu một trong hai hình thức này.

Để phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ, GV cần tổ chức nhiều hoạt động khác nhau. Những hoạt động này sẽ giúp trẻ tăng cường khả năng một cách tự nhiên. Trước tiên, GV cần tìm hiểu kỹ về trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp; biết cách tổ chức các hoạt động với những nội dung khác nhau phù hợp với từng trẻ. Do vậy, rất cần một chương trình đào tạo chính quy về hoạt động trị liệu cho trẻ trong ngành giáo dục đặc biệt. □

Tài liệu tham khảo

[1] Ayala Manolson (2009). *Muốn nói chuyện phải có 2 người* (bản dịch của Trần Minh Tân, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật TP. Hồ Chí Minh).

[2] Karen Stagnitti (1998). *Learn to play*. Coordinates Publications.

[3] Lê Thu Hương (2011). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo chủ đề*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Nguyễn Thanh Bình (2010). *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm.

[5] Bùi Văn Huệ (chủ biên) (2003). *Tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.